TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trung Tín

2. Ông Đỗ Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 157/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Mỹ T, sinh năm 1991; căn cước công dân số 072191010422, cấp ngày 11/8/2021 (vắng mặt).
- *Bị đơn:* Anh Phạm Quan Đ, sinh năm 1990; chứng minh nhân dân số 290902396, cấp ngày 22/8/2014 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2013, có tổ chức lễ tuyên bố và đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh). Sau đó vợ chồng chị cất nhà sống riêng, trong thời gian chung sống anh Đ thường đi nhậu về đánh chị, đánh con,

chị không dám báo chính quyền địa phương vì sợ anh Đ. Do không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nữa nên chị về nhà mẹ ruột sống từ tết dương lịch năm 2026 đến nay. Sau khi chị đi anh Đ có điện thoại kêu chị về một lần nhưng chị không về do chị đã cho anh Đ nhiều cơ hội nhưng vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 01 người tên Phạm Quốc H, sinh ngày 27/9/2017 hiện đang sống chung với chị; chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng nhưng nay chị rút lại yêu cầu này.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Quan Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử sụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Đinh Thị Mỹ T đối với anh Phạm Quan Đ.

Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc H, sinh ngày 27/9/2017 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Mỹ T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Phạm Quan Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh Đ chung sống với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị T có yêu cầu ly hôn với anh Đ, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Theo chị T khai, trong thời gian chung sống anh Đ thường xuyên đi nhậu về đánh chị, đánh con, do sợ anh Đ nên chị T không dám báo chính quyền địa phương, nay chị T kiên quyết ly hôn với anh Đ. Đối với anh Đ, từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ không đến Tòa án để làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, chứng tỏ anh Đ không có thiện chí đoàn tụ, bỏ mặc quan hệ hôn nhân, cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Đ là phù theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 người tên Phạm Quốc H, sinh ngày 27/9/2017.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T: Sau khi chị T, anh Đ ly thân cháu H được chị T nuôi dưỡng ổn định, anh Đ không đến thăm cháu H. Xét thấy yêu cầu nuôi con của chị T phù hợp với điều kiện hiện tại là đang nuôi cháu H và phù hợp với nguyện vọng của cháu H là được sống chung với mẹ là chị T (bút lục số 34). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; ghi nhận chị T rút lại yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết; anh Đ vắng không thể hiện ý kiến nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Đinh Thị Mỹ T đối với bị đơn anh Phạm Quan Đ. Chị T được ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Quốc H, sinh ngày 27/9/2017. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Đinh Thị Mỹ T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn*)* đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003628 ngày 27/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 12 - Tây Ninh;
- Ủy ban nhân dân xã Long Thuận;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Quyên